TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L, ông C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Hai
2. Bà Lê Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 391/2019/TLST-HNGĐ về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1992
Địa chỉ: Đường D, phường E, quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1956
Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Cùng có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2012 bà và ông Trần Văn C có tìm hiểu nhau và phát sinh tình cảm, qua thời gian chúng tôi đã chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn và có hai người con chung là Trần Tấn D, sinh ngày 16/7/2015 và Trần Thị Ngọc D sinh ngày 04/10/2016. Do bất đồng quan điểm sống cũng như vấn đề tuổi tác nên bà không còn tình cảm với ông C nữa, giữa hai người cũng không còn chung sống với nhau. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn C để bà có cuộc sống mới.

- Về con chung: Trẻ Trần Tấn D sinh ngày 16/7/2015 và trẻ Trần Thị Ngọc D sinh ngày 04/10/2016 đều đang ở với bà nên yêu cầu được tiếp tục nuôi hai trẻ.

Mức cấp dưỡng nuôi con do bà và ông Trần Văn C tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Bà và ông Trần Văn C không có tài sản chung.

Bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

- Ông thống nhất về lời trình bày của bà L về thời gian chung sống và con chung. Nay bà L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà, ông cũng đồng ý .

- Về con chung: 02 con chung tên Trần Tấn D, sinh ngày 16/7/2015 và Trần Thị Ngọc D sinh ngày 04/10/2016. Ông đồng ý giao cho bà L trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao con chung cho bà Nguyễn Thị Xuân L tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận nhận định:

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Xoan L và ông Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Xuân L tự nguyện chung sống vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

Hiện nay, bà L, ông C xác định quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chênh lệch tuổi tác, bất đồng quan điểm sống, cả hai bên đã tự có cuộc sống riêng và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà L không được pháp luật công nhận là hợp pháp, nên có căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Xuân L.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Tấn D, sinh ngày 16/07/2015 và Trần Thị Ngọc D sinh ngày 04/10/2016. Hiện nay do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông C khai không có.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Xuân L và ông Trần Văn C.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Trần Tấn D, sinh ngày 16/7/2015 và Trần Thị Ngọc D sinh ngày 04/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Mức cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu số tiền án phí là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0041879 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND Q.Phú Nhuận ;
- CCTHADS Q.Phú Nhuận ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út